

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 23 - 3 - 2023

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
người nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lước.

2. Bà Hoàng Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp người nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Tổ L, Ấp Q, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Tổ F, Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đào Đức T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ L, Ấp Q, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 8 năm 2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Chị Phạm Thị Thu H và anh Đào Đức T quen biết và kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (Nay là huyện B), tỉnh Bình

Dương theo giấy đăng ký kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân xã L cấp ngày 25/4/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 con chung: Đào Hữu T1, sinh ngày 05/01/2012 và Đào Nhã U, sinh ngày 28/3/2018. Từ khi sinh con thứ hai (cháu U) vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân vì bất đồng quan điểm về cách sống, nuôi dạy con giữa vợ và chồng. Anh T hay ghen tương vô cớ dẫn đến hành hung chị H. Vì thương chồng muốn bảo vệ hạnh phúc gia đình, chị H đã nhẫn nhịn để tạo hòa khí hạnh phúc cho gia đình nhưng anh T không thay đổi tính tình, tiếp tục hành hung chị H nhiều lần. Do vậy, chị H đã đưa cháu Đào Nhã U về quê mẹ ruột tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai sống ly thân anh T. Nay tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng lạnh nhạt không còn quan tâm chăm sóc nhau nên chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đào Đức T. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đào Nhã U, sinh ngày 28/3/2018. Riêng cháu Đào Hữu T1, sinh ngày 05/01/2012 đang sống cùng anh T, chị H đồng ý giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do vợ chồng mỗi người nuôi 01 con chung nên chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu U và cũng không đồng ý cấp dưỡng cho anh T nuôi cháu T1. Về tài sản chung, nợ chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn là anh Đào Đức T thống nhất lời khai chị H về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng như chị H đã khai tại Tòa án. Về quan hệ hôn nhân anh T không chấp nhận ly hôn chị H vì còn thương yêu vợ. Về con chung anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đào Đức T1 và đồng ý giao cháu Đào Nhã U cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tài sản chung, nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn là anh Đào Đức T đến tham gia phiên tòa nhưng cả hai lần mở phiên tòa sơ thẩm vào ngày 14/3/2023 và 23/3/2023 anh T không đến tham gia phiên tòa và không thông báo lý do vắng mặt.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng tại nơi thường xuyên sinh sống (Ấp Q, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương) được chính quyền, ban ngành, đoàn thể địa phương xác định giữa vợ chồng anh T, chị H có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không rõ do vợ chồng tự giải quyết mâu thuẫn không nhờ đến chính quyền, đoàn thể địa phương can thiệp, hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T và giữ nguyên quan điểm về người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung như đã trình bày tại các lần hòa giải tại Tòa án.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đối với vụ án: Trong quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của người tiến hành tố tụng. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn luật định. Quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị H, bị đơn là anh T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật nhưng bị đơn anh Đào Đức T được tổng đạt hợp lệ các văn bản thông báo để tham gia tố tụng nhưng cố tình không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm là chưa tuân thủ quy định pháp luật. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Thu H là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận cho chị H được ly hôn anh T. Anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Đào Hữu T1, sinh ngày 05/01/2012; chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Đào Nhã U, sinh ngày 28/3/2018. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tài sản chung, nợ chung không đặt ra xem xét do các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn Đào Đức T, cư trú tại Tổ L, Ấp Q, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn là anh Đào Đức T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Chị Phạm Thị Thu H và anh Đào Đức T, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16 ngày 25/4/2011 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, vợ hoặc chồng có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Vợ chồng anh T, chị H đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra thường xuyên, kéo dài trong nhiều năm không

thể hàn gắn, hòa giải và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên vợ chồng phải sống ly thân nhau. Anh T cho rằng chị H quen biết với người đàn ông khác, không chung thủy với anh T nên mới xảy ra sự việc ghen tương, anh T hành hung chị H là có thật. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài khi mục đích hôn nhân giữa vợ và chồng không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ chấp nhận theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn: Chị H, anh T có 02 con chung tên Đào Hữu T1, sinh ngày 05/01/2012 và Đào Nhã U, sinh ngày 28/3/2018. Qua hòa giải giữa anh T, chị H đã thống nhất được việc nuôi con chung khi ly hôn, cụ thể: Chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đào Nhã U và anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đào Hữu T1. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai của cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống với cha là anh T nếu cha mẹ phải ly hôn. Do đó, sự thỏa thuận giữa anh T, chị H về việc nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của con, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của người chưa thành niên là đúng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu H đối với anh Đào Đức T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H được ly hôn với anh Đào Đức T.

1.2. Về người trực tiếp nuôi con chung: Chị Phạm Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung: Đào Nhã U, sinh ngày 28/3/2018. Anh Đào Đức T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung: Đào Hữu T1, sinh ngày 05/01/2012.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đào Đức T và chị Phạm Thị Thu H đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ hết vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0010159 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh

